

Bản án số: 50/2025/DS-PT

Ngày: 19 - 3 - 2025

“V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Hà.

Các Thẩm phán: **Ông Hoàng Ngọc Sơn và ông Đỗ Thế Bình.**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Dũng - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLPT-DS ngày 12/12/2024 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2025/QĐ-PT ngày 06/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Trần Thị X, sinh năm 1940; HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn L và luật sư Vũ Anh D - Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (Luật sư L có mặt, Luật sư D vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Mậu Đ, sinh năm 1952; HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đào Bá T1, sinh năm 2000; HKTT: Số C đường N, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đặng Hồng D1, Luật sư, Công ty L3, Đoàn luật sư tỉnh B; Địa chỉ: Số C đường N, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

2. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1953; HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (do ông Đ đại diện có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn do bà Nguyễn Thị T đại diện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trình bày của bên nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn (bà T): Cụ Nguyễn Tiến L1 có 03 người vợ, thứ nhất là cụ Nguyễn Thị S (đã chết năm 1971), kết hôn năm 1944, hai cụ có một người con nuôi là ông Nguyễn Mậu Đ (sinh năm 1952); thứ hai là cụ Nguyễn Thị Ú (đã chết năm 1968), kết hôn năm 1960, không có con chung; thứ ba là cụ Trần Thị X (sinh năm 1940), kết hôn năm 1972, hai cụ có một người con nuôi là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976.

Cụ L1 và cụ X có tài sản chung là thửa đất số 68 tờ bản đồ số 2 diện tích 339m² tại xóm G, thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là thửa đất số 68) và tài sản gắn liền trên thửa đất là ngôi nhà ngói 03 gian. Ngày 19/10/2015 cụ L1 chết, không để lại di chúc đối với nhà đất nêu trên. Sau khi biết thửa đất số 68 đã được ông Đ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ X đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ trả lại cho cụ X ½ thửa đất, đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Mậu Đ và yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của ông L1 để lại. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/01/2019, cụ X đã tự nguyện xin rút yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ L1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DSST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã tuyên: Giao cho cụ X được sử dụng một phần của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tại thôn D có diện tích 158,8m² và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà mái tôn cấp bốn. Giao cho ông Đ phần diện tích đất còn lại là 182,9m² (trong đó có 170,85m² là phần **di sản** của cụ L1) và ngôi nhà ngói 3 gian thuộc di sản thừa kế do cụ L1 để lại. Ông Đ kháng cáo toàn bộ bản án nhưng sau đó

lại rút đơn kháng cáo nên ngày 18/6/2020, TAND cấp cao tại Hà Nội đã quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vụ án trên. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, hiện ông Đ đang quản lý, sử dụng di sản thừa kế của cụ L1 để lại là 170,85m² và ngôi nhà ngói 03 gian trong thửa đất số 68. Do vậy cụ X có đơn khởi kiện yêu cầu chia di của cụ L1 theo quy định của pháp luật.

Bà T là con gái của cụ L1 cũng nhất trí với ý kiến của cụ X, đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản thừa kế của cụ L1 theo quy định của pháp luật.

Ngoài tài sản là 170,85m² và ngôi nhà ngói 03 gian trong thửa đất số 68 hiện do vợ chồng ông Đ sử dụng, cụ L1 không có tài sản nào khác.

Trình bày của bên bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn (bà Hoàng Thị M): Vợ chồng ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế tài sản của cụ L1 là 170,85m² và ngôi nhà ngói 03 gian trong thửa đất số 68 bởi tài sản này đã được cụ L1 định đoạt trước khi chết bằng việc chuyển quyền tài sản của cụ L1 cho ông Đ năm 2004 và khi có tranh chấp tài sản cũng đã được Tòa án giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

Tại Bản án số 06/2019/DSST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

“... Giao cho bà Trần Thị X được sử dụng phần đất của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tại xóm G, thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 158,8m² ... và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất ...”

“... Giao cho ông Nguyễn Mậu Đ được sử dụng phần đất còn lại của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tại xóm G, thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 182,9m² và được sở hữu ngôi nhà ngói 03 gian đã cũ nằm trên phần diện tích đất ông Đ được giao sử dụng, Ngoài ra trên đất còn có một dãy nhà trọ 03 tầng kết cấu khung bê tông cốt thép do ông Đ, bà M xây dựng.”

“Ông Nguyễn Mậu Đ và bà Trần Thị X có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký lại quyền sử dụng đất đối với phần đất được giao”

Trong phần nhận định bản án nêu rõ: Giao cho ông Đ quyền sử dụng 182,9m² đất còn lại của thửa đất số 68, trong đó có 170,85m² thuộc quyền sử dụng của cụ L1 và 12,05m² thuộc quyền sử dụng của cụ X. Do vậy, ông xác định phần diện tích đất và tài sản trên đất mà cụ X yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đã được giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật nên ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 235, 262, 264, 266, 267 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 612,

624, 625 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Thị X đối với yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ L1 để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên diện tích đất 170,85m² nằm trong thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tại thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2024, bà Nguyễn Thị T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (cụ Trần Thị X) kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà T đại diện nguyên đơn trình bày Bản án số 06 của TAND tỉnh Bắc Ninh chỉ giao cho ông Đ quản lý tài sản của cụ L1 chứ chưa chia thừa kế vì cụ X rút yêu cầu. Ngoài ra bà T còn cho rằng ông Đ không có văn bản nhận nuôi của cụ L1 nên không phải con nuôi của cụ L1 và không có quyền thừa kế tài sản của cụ L1. Ngoài diện tích đất 170,85m² và ngôi nhà ngói đã bị ông Đ tháo dỡ thì cụ L1 không còn để lại tài sản nào khác.

Ông Đ trình bày việc ông được cụ L1 nhận làm con nuôi từ khi 6 tuổi và cụ L1 đã làm thủ tục giao quyền sử dụng thửa đất cho ông từ năm 2004.

Các bên đương sự giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí **phúc thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (cụ Trần Thị X) nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. *Về thời điểm mở thừa kế*: Căn cứ Giấy chứng tử do UBND xã Đ cung cấp thì cụ Nguyễn Tiến L1 chết ngày 19/10/2015, phù hợp với lời khai của các đương sự nên xác định ngày 19/10/2015 là thời điểm mở thừa kế của cụ L1.

[2.2]. *Về hàng thừa kế theo pháp luật*: Căn cứ lời khai của các đương sự và xác nhận của chính quyền địa phương xác định được cụ Nguyễn Tiến L1 không có con đẻ, có 02 người con nuôi là ông Nguyễn Mậu Đ và bà Nguyễn Thị T. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1 gồm vợ là cụ Trần Thị X và hai người con nuôi như bản án sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[2.3]. *Về tài sản tranh chấp thừa kế trong vụ án*:

Thứ nhất, nguyên đơn là cụ Trần thị X yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của cụ Nguyễn Tiến L1 là 170,85m² đất nằm trong thửa đất số 68 hiện do vợ chồng ông Nguyễn Mậu Đ quản lý, sử dụng ở thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà ngói 3 gian đã bị phá dỡ hiện không còn.

Thứ hai, năm 2018 cụ X đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ trả lại cho cụ X ½ thửa đất, đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 68 đã cấp cho ông Nguyễn Mậu Đ và yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của ông L1 để lại. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/01/2019, cụ X đã tự nguyện xin rút yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ L1.

Thứ ba, Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

“... Giao cho bà Trần Thị X được sử dụng phần đất của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tại xóm G, thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 158,8m² ... và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất ...”

“... Giao cho ông Nguyễn Mậu Đ được sử dụng phần đất còn lại của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tại xóm G, thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 182,9m² và được sở hữu ngôi nhà ngói 03 gian đã cũ nằm trên phần diện tích đất ông Đ được giao sử dụng, Ngoài ra trên đất còn có một dãy nhà trọ 03 tầng kết cấu khung bê tông cốt thép do ông Đ, bà M xây dựng.”

“Ông Nguyễn Mậu Đ và bà Trần Thị X có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký lại quyền sử dụng đất đối với phần đất được giao”

Trong phần nhận định của bản án có nêu rõ: “ ..., Hội đồng xét xử cho rằng cần ghi nhận ý trí của ông L1 về việc cho ông Đ sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông L1. Về việc ông Lương T2 cho ông Đ diện tích 170,85m² thuộc quyền sử dụng của ông L1 tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn là bà X do chị T đại diện có ý kiến nhất trí để ông Đ được quyền sử dụng phần đất này, không đề nghị gì khác. Phần đất 12,05m² (của bà X) do ông Đ đã phải trích trả giá trị bằng tiền nên cần giao cho ông Đ sử dụng phần đất này. Do vậy phần đất còn lại có diện tích 182,9m² giao cho ông Đ quản lý sử dụng là có căn cứ và hoàn toàn thỏa đáng. Về ngôi nhà ngôi 3 gian nằm trên phần diện tích 182,9m² giao cho ông Đ sử dụng qua thẩm định giá xác định đã hết khấu hao, xuống cấp không tính giá trị song ngôi nhà nằm trên phần đất của ông Đ nên cần giao cho ông Đ sở hữu. ”

Cụ X và chị T có mặt tại phiên tòa, nhất trí để ông Đ được quyền sử dụng phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ L1, không đề nghị gì khác, không kháng cáo, ông Đ kháng cáo toàn bộ bản án nhưng sau lại rút đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đình xử xét xử phúc thẩm, Bản án đã có hiệu lực thi hành từ ngày 18/6/2020. Cụ X đã đề nghị và được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được giao theo Bản án số 06/2019/DS-ST ngày 31/5/2019.

[3]. Từ những phân tích trên thì thấy tài sản là nhà đất của cụ L1 đã được cụ L1 định đoạt trước khi chết bằng việc chuyển quyền tài sản cho ông Đ. Sau khi có đơn yêu cầu khởi kiện tại Tòa án năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án cụ X đã rút yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ L1 và nhất trí việc Tòa án giao nhà đất là tài sản của cụ L1 cho ông Đ sở hữu, sử dụng. **Cụ thể** Bản án số 06/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh **đã giao cho ông Nguyễn Mậu Đ quyền quản lý sử dụng tài sản của cụ L1 là 170,85m² đất nằm trong thửa đất số 68 tờ bản đồ số 02 tại thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh** cùng tài sản trên đất. Ông Nguyễn Mậu Đ có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký lại quyền sử dụng đất đối với phần đất được giao. Bản án đã có hiệu lực pháp luật từ ngày 18/6/2020, do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế tài sản do cụ L1 để lại.

Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nhưng là người cao tuổi nên được miễn án phí **dân sự phúc thẩm**.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 235, 262, 264, 266, 267 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 612, 624, 625 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - cụ Trần Thị X về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Tiến L1 để lại là quyền sử dụng 170,85m² đất tại thửa đất số 68 tờ bản đồ số 02 tại thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh và tài sản gắn liền trên đất.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn phải chịu 10.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho nguyên đơn là cụ Trần Thị X.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số 0001564 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- - VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- - TAND huyện Tiên Du;
- - Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- - Các đương sự;
- - Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vương Thị Hà